TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN GÒ VẤP** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 854/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 20 - 6 - 2022
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Hồng Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Chí

Bà Trương Thị Hồng Phương

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Kim Nga, thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Oanh - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 6 năm 2021 tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 118/2022/TLST-HN ngày 24 tháng 01 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 153/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 140/2022/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Võ Tuấn T, sinh năm: 1992; Địa chỉ: Đường A, phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Chị Phạm Thị Bạch H, sinh năm: 1991; Địa chỉ: Đường A, phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Anh T và chị H vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 01 năm 2022 và các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, anh Võ Tuấn T là nguyên đơn trình bày:

Anh với Chị Phạm Thị Bạch H tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh vào năm 2014.

Trong quá trình chung sống, anh chị luôn bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong đời sống vợ chồng, thường xuyên gây gổ với nhau. Anh chị cố gắng dung hòa để giải tỏa mâu thuẫn nhưng không có kết quả, vợ chồng sống riêng, không còn quan tâm đến nhau từ tháng 6/2021 cho đến nay. Anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Anh khai không có con chung.

Về chia tài sản khi ly hôn: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

2. Bị đơn – chị Phạm Thị Bạch H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị H vắng mặt.

Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho chị H nhưng chị H không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình và cũng không có ý kiến đối với các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán thực hiện đúng qui định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn thực hiện đúng qui định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng qui định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào quy định của Luật hôn nhân và Gia đình, Kiểm sát viên nhận thấy yêu cầu khởi kiện của anh T phù hợp quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Anh T yêu cầu ly hôn với chị H. Chị H cư trú tại quận C. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về ly hôn, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 1

Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành thủ tục xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

- Hôn nhân giữa anh T và chị H là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 172 ngày 13/11/2017 của Ủy ban nhân dân phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Hôn nhân chỉ bền vững khi vợ chồng yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau và cùng nhau vun đắp hạnh phúc gia đình. Xét, anh T yêu cầu ly hôn với chị H do anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng, anh chị sống riêng, ly thân từ tháng 6/2021 cho đến nay điều này thể hiện mâu thuẫn giữa anh chị là trầm trọng, không thể giải tỏa, hàn gắn được. Tòa án đã triệu tập chị H tham gia hòa giải để hòa giải, động viên vợ chồng hàn gắn đoàn tụ nhưng chị H không đến Tòa, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cố gắng giữ gìn hạnh phúc gia đình.

- Qua kết quả xác minh tình trạng hôn nhân của anh T và chị H thể hiện anh chị có phát sinh mâu thuẫn và vợ chồng sống riêng là sự thật.

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của anh T, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và Gia đình để chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T.

[4] Về con chung: Anh T khai không có

[5] Về chia tài sản khi ly hôn: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Căn cứ Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Võ Tuấn T được ly hôn với chị Phạm Thị Bạch H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 172 ngày 13/11/2017 của Ủy ban nhân dân phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh hết hiệu lực.

2. Về chia tài sản khi ly hôn: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

3. Về án phí sơ thẩm: Anh T phải chịu án phí là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2021/0047619 ngày 24/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Anh T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp;
- Ủy ban nhân dân phường B, quận C;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Thị Hồng Đào

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp;
- Ủy ban nhân dân phường 14, quận Gò Vấp;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Thị Hồng Đào